

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Hộ kinh doanh nhựa Vĩnh Thuận ngày 09 tháng 3 năm 2023 và hồ sơ gửi kèm.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 347/TTr-STNMT ngày 11 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Hộ kinh doanh nhựa Vĩnh Thuận tại xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở sơ chế nhựa tái sinh Vĩnh Thuận với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Cơ sở sơ chế nhựa tái sinh Vĩnh Thuận.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh số 04A8015661 do Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/7/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 13/01/2020; Quyết định chủ trương đầu tư số 3213/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 do Ủy ban nhân dân huyện Gia Lộc cấp.

1.4. Mã số thuế: 8119926353.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sơ chế nhựa tái sinh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở

- Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Diện tích đất sử dụng: 12.723 m².

- Công suất: Sản phẩm mảnh nhựa PET: 5.500 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hộ kinh doanh nhựa Vĩnh Thuận:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hộ kinh doanh nhựa Vĩnh Thuận có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

Điều 3: Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 20/GXN-STNMT ngày 13/01/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Hải Dương tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Hộ kinh doanh nhựa Vĩnh Thuận;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND thành phố Hải Dương;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (7b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 884/GPMT-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được tuần hoàn, tái sử dụng lại cho quá trình sản xuất, không xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà xưởng sản xuất được thu gom vào bể phốt và theo đường ống nhựa PVC D200, độ dốc 1%, tổng chiều dài là 145,8 m chảy về hố ga chung, sau đó bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng bơm lưu lượng 0,6 m³/h, cột áp 27 m, công suất 0,37 kw/220V/50Hz.

- Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà ăn và văn phòng được thu gom vào bể phốt và theo đường ống nhựa PVC D200, độ dốc 1%, tổng chiều dài là 110,5 m chảy về hố ga chung, sau đó bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng bơm lưu lượng 0,6 m³/h, cột áp 27 m, công suất 0,37 kw/220V/50Hz.

- Nước thải phát sinh từ nhà bếp được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D110, dài 30 m, độ dốc 1% thu vào bể tách mỡ có thể tích 6,8 m³ sau đó bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng bơm lưu lượng 0,6 m³/h, cột áp 27 m, công suất 0,37 kw/220V/50Hz.

- Nước thải từ hệ thống dập bụi của lò hơi tự chảy vào bể lắng 4 ngăn và bơm tuần hoàn quay lại dập bụi. Hàng tuần nước được thay mới, nước thải được bơm qua đường ống HDPE D200 dài 110 m về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ công đoạn rửa nguyên liệu được thu gom vào hố thu chung (thể tích 20 m³) và bơm qua đường ống nhựa PVC D200 dài 150 m về hệ thống xử lý nước thải.

- Toàn bộ nước thải sau khi xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 350 m³/ngày đêm đạt mức B của QCVN 40:2011/BTNMT được bơm về ao sinh học và tái sử dụng cho sản xuất, không thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải từ hệ thống dập bụi lò hơi, nước rửa nguyên liệu đầu vào, nước thải sinh hoạt, nước thải khu vực nhà bếp sau khi xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể phản ứng → Bể lắng 1 → Bể Aerotank → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Ao sinh học → Tái sử dụng, phục vụ công đoạn rửa nguyên liệu.

- Công suất thiết kế: 350 m³/ngày đêm.

- Thông số kỹ thuật: Bể thu gom: 44,7 m³; bể điều hòa: 96 m³; bể phản ứng: 18,36m³; bể lắng 1: 128 m³; bể Aerotank: 121,6m³; bể lắng 2: 350 m³; bể khử trùng: 19,76m³; bể chứa bùn: 108,8 m³; ao sinh học thể tích 2.500 m³ được kè bờ, lót đáy chống thấm.

- Hóa chất sử dụng: PAC 180 g/m³; Polymer 2,73 g/m³; HCl 58 g/m³; Clorine 2,12 g/m³.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các thiết bị dự phòng (máy bơm, máy khuấy trộn, máy bơm bùn,...) để thay thế sử dụng ngay khi có sự cố hỏng thiết bị.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời khi có sự cố.

- Bố trí công nhân chịu trách nhiệm vận hành liên tục, đúng quy trình vận hành đã xây dựng; theo dõi, ghi chép vào sổ nhật ký vận hành, khi phát hiện sự cố báo cáo ngay với người chủ quản để đưa ra giải pháp khắc phục kịp thời.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tại các bể trong hệ thống xử lý trong thời gian khắc phục sự cố. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, phải tạm dừng sản xuất để khắc phục sự cố. Sau khi đã khắc phục sự cố xong, nước thải được bơm quay lại bể điều hòa để tiếp tục quy trình xử lý, bảo đảm nước thải đạt yêu cầu trước khi tuần hoàn, tái sử dụng lại cho sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) do Hộ kinh doanh đã vận hành thử nghiệm công trình hệ thống xử lý nước thải công suất 350 m³/ngày đêm và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 20/GXN-STNMT ngày 13/01/2017.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở đảm bảo đạt yêu cầu chất lượng (cột B của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp) để tuần hoàn, tái sử dụng cho quá trình sản xuất; không được xả nước thải ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Hộ kinh doanh nhựa Vĩnh Thuận chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 884/GPMT-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn số 01: Bụi, khí thải khu vực lò hơi đốt củi công suất 01 tấn/h.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

2.1. Vị trí xả khí thải

- Tương ứng với ống khói của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi, tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến 105⁰30', múi chiều 3⁰): X(m) = 2310928; Y(m) = 635248.

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên cơ sở tại xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả gián đoạn 10/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN19:2009/BTNMT mức B với K_p = 1,0; K_v = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ quy định tại khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	240		
3	CO	mg/Nm ³	1.200		
4	SO ₂	mg/Nm ³	600		
5	NO ₂	mg/Nm ³	1.020		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

Bụi, khí thải khu vực lò hơi được thu gom về cyclon lọc bụi, bụi lắng xuống đáy Cyclon, khí tiếp tục qua bể hấp thụ, bể lắng và thoát ra ngoài môi trường qua ống thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi khí thải lò hơi → Quạt hút → Cyclon → Bể hấp thụ → Bể lắng → Quạt hút → Ống thải ra ngoài môi trường

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/h.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống: 01 Cyclon hình trụ, chất liệu bằng thép, đường kính phân hình trụ D300, cao 2,2 m; 01 giàn phun mưa (tháp hấp thụ) hình trụ, chất liệu bằng thép, chiều cao 2,5 m; 02 quạt hút lưu lượng 10.000 m³/h/quạt và 01 ống thoát khí bằng kẽm đường kính D400, cao 10 m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước dập bụi.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, phòng ngừa ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng tránh:

+ Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

+ Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

+ Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng (quạt hút,...) để thay thế cho các thiết bị của hệ thống xử lý bụi, khí thải khi xảy ra sự cố.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Giảm công suất thiết bị sản xuất có hệ thống xử lý khí thải bị sự cố, khắc phục ngay các nguyên nhân gây ra sự cố.

+ Thay thế kịp thời các thiết bị hỏng.

+ Dừng hoạt động sản xuất tại khu vực có thiết bị hỏng cho đến khi thiết bị hoạt động bình thường.

+ Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Hộ kinh doanh phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải (theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) do Hộ kinh doanh đã vận hành thử nghiệm công trình hệ thống xử lý khí thải và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 20/GXN-STNMT ngày 13/01/2017.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên, hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Thay nước hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải đúng tần suất cam kết (01 tuần/lần).

3.4. Hộ kinh doanh nhựa Vĩnh Thuận chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục III

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 884/GPMT-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực băm nhựa.
- Nguồn số 02: Khu vực rửa nhựa.
- Nguồn số 03: Từ khu vực lò hơi.
- Nguồn số 04: Từ khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tọa độ nguồn số 01: X(m): 2310923; Y(m): 635246.
- Tọa độ nguồn số 02: X(m): 2310922; Y(m): 635247.
- Tọa độ nguồn số 03: X(m): 2310928; Y(m): 635248.
- Tọa độ nguồn số 04: X(m): 2310925; Y(m): 635242.

(Hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.
- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn được trang bị nút tai chuyên dụng để giảm tác động của tiếng ồn.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực cơ sở để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn, ngăn bụi phát tán ra bên ngoài cơ sở.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng với tần suất 06 tháng/lần.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục IV

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 884/GPMT-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	70	17 02 03
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	80	18 02 01
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	3	16 01 06
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	150	18 01 02
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	60	18 01 03
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	3	19 06 01
7	Thiết bị, linh kiện điện tử thải	Rắn	5	16 01 13
Tổng khối lượng			371	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, bùn thải từ hệ thống thoát nước mưa	Bùn	13.000	12 06 13
2	Tem, mác thải	Rắn	9.500	-
3	Giấy vụn, bìa carton	Rắn	713	18 01 05
4	Tro đáy, xỉ và bụi lò hơi	Rắn	845	01 02 06
5	Kim loại thải (kim loại đen và kim loại màu)	Rắn	7.840	12 08 04 12 08 05
Tổng khối lượng			31.898	

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 13 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy với dung tích 120 lít/thùng được dán tên và mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho chứa: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch đặc, mái lợp tôn, có cửa ra vào kiểm soát, nền bê tông, có rãnh và hồ thu chất thải nguy hại dạng lỏng phòng ngừa ứng phó khi có sự cố rò rỉ, bố trí các thiết bị PCCC, vật liệu thấm hút, phía ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy với dung tích 500 lít/thùng và các bao tải (trọng lượng chứa 50-100 kg).

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho chứa: 50 m² nằm trong bãi chứa nguyên liệu đầu vào.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch đặc, mái lợp tôn, nền bê tông, có cửa ra vào.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 20-30 lít/thùng.

- Thực hiện thu gom trong ngày.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kết hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục V

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 884 /GPMT-UBND
ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường khi có một trong các thay đổi về tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường so với Giấy phép này.
7. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.